**Đề toán lớp 4 kì II mẫu 3**

**Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**Câu 1:** Số lớn nhất trong các số: 856 564; 856 654; 856 465; 856 546 là:

A. 856 564    B. 856 654    C. 856 465    D. 856 546

**Câu 2:** Chọn câu trả lời đúng.

 

**Câu 3:** Trung bình cộng của hai số là 100. Biết số bé bằng  số lớn. Tìm số bé.

A. 50    B. 40    C. 20    D. 30

**Câu 4:** Nối số đo ở cột A với số đo ở cột B sao cho phù hợp:

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. 12m² 30cm²2. 12m² 3dm² | a. 120300cm²b. 120030cm² |

**Câu 5:** Một hình bình hành có diện tích là 100 cm2, chiều cao 20 cm. Tính độ dài đáy của hình bình hành đó là:

A. 5cm     B. 10cm     C. 20 cm    D. 15 cm

**Câu 6:** Cho các phân số 

Phân số lớn nhất là

 

**Phần II. Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm):**Tính

 

**Câu 2 (3 điểm):** Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 75 m. Chiều rộng bằng chiều dài.

a, Tính diện tích thửa ruộng đó.

b, Trung bình cứ 10 m2 vườn đó người ta thu được 5 ki - lô - gam khoai. Hỏi trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu yến khoai?

**Câu 3 (1 điểm):** Tìm a/b, biết:



**Đáp án & Thang điểm**

**Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** |
| D | B | D | 1-b,2-a | A | D |

**Phần II. Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1 (3 điểm) :**

 

**Câu 2 (3 điểm):**

a, Ta có sơ đồ



Tổng số phần bằng nhau là

4 + 1= 5 phần

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

75 : 5 x 1 = 15 (m)

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là:

75 - 15 = 60 (m)

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là

60 x 15 = 900 (m2)

b, Thửa ruộng đó thu hoạch được số kg khoai là: 5 x (900 : 10) = 450 (kg) = 45 yến

Đáp số: a, 900 (m2) b, 45 yến

**Câu 3 ( 1 điểm):**

